

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 19 - 3 - 2021

V/v xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và
anh Trần Văn K

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Biên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Kiều.

2. Ông Đào Văn Rạng.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; Địa chỉ: Đội 8, Quần Liêu, xã Nghĩa Sơn, huyện N, tỉnh Nam Định.

* *Bị đơn:* Anh Trần Văn K, sinh năm 1986; Địa chỉ: Đội 8, Quần Liêu, xã Nghĩa Sơn, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà có mặt chị L, vắng mặt anh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 06 tháng 10 năm 2020 cũng như lời khai của chị L tại các buổi làm việc và tại phiên toà thể hiện: Chị và anh K đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa

Sơn, huyện N. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ở riêng cạnh nhà bố mẹ anh K tại xã Nghĩa Sơn. Sau đó vợ chồng đi làm ăn trên Hà Nội. Vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận hạnh phúc cho đến năm 2019 khi chị L sinh con thứ ba thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau, anh K chơi bời không quan tâm đến vợ con. Hai bên gia đình cũng nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Khoảng hơn một năm nay, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, mỗi người mỗi nơi. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L xin ly hôn anh K.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có ba con chung Trần Nhất Long, sinh ngày 23/9/2009, Trần Khánh Linh, sinh ngày 24/9/2012 và Trần Tiến Thành, sinh ngày 18/5/2017. Hiện cả ba cháu đều đang ở với chị L. Sau khi ly hôn, chị L xin trực tiếp nuôi hai cháu Trần Khánh Linh và Trần Tiến Thành; anh K trực tiếp nuôi cháu Trần Nhất Long. Anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trần Tiến Thành 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Thành đủ 18 tuổi, tự lập.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị L đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay anh K vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện: Anh có lời khai thống nhất với chị L về quá trình kết hôn, chung sống, mâu thuẫn vợ chồng: Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ, xong rồi lại thôi. Đến đầu năm 2020, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Từ tháng 02/2020, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống sau đó đi làm ăn xa không về nhà. Anh K đã nhiều lần khuyên bảo chị L về nhưng không được. Hiện vợ chồng đã không còn liên lạc gì với nhau nữa. Anh K cũng xác định tình cảm không còn nên cũng đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung và tài sản chung: Anh K có lời khai thống nhất với chị L: Sau khi ly hôn, anh K trực tiếp nuôi cháu Trần Nhất Long; chị L trực tiếp nuôi cháu Trần Khánh Linh, Trần Tiến Thành. Anh K có cấp dưỡng nuôi cháu Trần Tiến Thành 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Thành đủ 18 tuổi, tự lập. Anh K không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung.

Toà án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Sơn, huyện N, thể hiện: Anh K, chị L đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Nghĩa Sơn, huyện N và đăng ký kết hôn ngày 23/12/2008. Anh K và chị L có ba con chung như đã nêu. Về mâu thuẫn gia đình, đại phương không nắm cụ thể. Hiện anh K, chị L đều mới đi lần

ăn tự do ở xa. Anh K thỉnh thoảng có về nhà (tháng khoảng 2-3 lần), địa phương không biết địa chỉ cụ thể của anh K.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán cơ bản đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; đã xác định đúng quan hệ hôn nhân, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng của đương sự; đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử thuận tình ly hôn giữa chị L và anh K; xử giao hai cháu là Trần Khánh Linh, Trần Tiến Thành cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh K trực tiếp nuôi cháu Trần Nhất Long. Anh K có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu Trần Tiến Thành 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Thành đủ 18 tuổi; áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14, đề nghị Toà án tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất không có lý do, nay Toà án tiến hành mở phiên toà xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị L và anh K trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Sơn, huyện N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị L, anh K có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Từ đầu tháng 02/2020, chị L, anh K đã sống ly thân, không liên lạc gì cho đến nay. Như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị L đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh K là có căn cứ, anh K cũng đồng ý ly hôn với chị L nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử thuận tình ly hôn giữa chị L, anh K.

[3] Về con chung: Anh K, chị L có ba con chung là Trần Nhất Long, sinh ngày 23/9/2009, Trần Khánh Linh, sinh ngày 24/9/2012 và Trần Tiến Thành, sinh ngày 18/5/2017. Hiện cả ba cháu đều đang ở với chị L. Xét thấy, chị L, anh K đều có ý kiến

thống nhất là sau khi ly hôn, chị L tiếp tục nuôi hai cháu Trần Khánh Linh và Trần Tiến Thành; anh K trực tiếp nuôi cháu Trần Nhất Long và phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Nhất Long, cháu Trần Khánh Linh. Do vậy việc giao hai cháu Trần Khánh Linh và Trần Tiến Thành cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh K trực tiếp nuôi cháu Trần Nhất Long là phù hợp, đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần cho các cháu. Anh K, chị L thống nhất anh K cấp dưỡng nuôi cháu Trần Tiến Thành là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Thành đủ 18 tuổi, tự lập. Chị L có trách nhiệm giao lại cháu Trần Nhất Long cho anh K.

[4] Về tài sản chung: Chị L, anh K không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L, anh K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Xử thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn K.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Trần Khánh Linh và Trần Tiến Thành, anh Trần Văn K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nhất Long; anh K đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu Trần Tiến Thành 1.500.000 đồng/ tháng từ tháng 03/2021 cho đến cháu Thành đủ 18 tuổi. Chị L có trách nhiệm giao cháu Trần Nhất Long cho anh K.

Anh K, chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, anh K, chị L còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số AA/2019/0001751 ngày 06/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị L đã

nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh K phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị L; vắng mặt anh K. Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án Tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện N: 02 bản
- THADS huyện N: 01 bản
- UBND xã Nghĩa Sơn: 01 bản
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Bùi Văn Biên

